

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HÀ ĐÔNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

-----***-----

Bản án số: 248/2021/HSST

Ngày: 17/11/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----*****-----

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG.

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền**

* Các hội thẩm nhân dân: **Bà Hoàng Thị Huyền Trang**

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

* Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Diệu Linh** -
Cán bộ Tòa án

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa:
ông Đặng Hoài An - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Hà Đông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 235/2021/TLST-HS ngày 01/10/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Phúc S, Sinh ngày 27/04/2004; Giới tính: nam; HKTT: Số 105, ngõ 2, tổ 27, phường K, quận T, thành phố Hà Nội. Chỗ ở: Chỗ ở: số 115 đường V, phường K, quận T, thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo, Đảng phái: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bố đẻ: Nguyễn Phúc T1, sinh năm 1973; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1980; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ ngày 09/05/2021 đến ngày 18/5/2021, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Trương Quang A, Sinh ngày 09/11/2005; Giới tính: nam; HKTT: Phường P, quận Đ, TP Hà Nội. Hiện đang ở tại: P4224 – CT12 Khu đô thị mới K, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo, đảng phái: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bố đẻ: Trương Minh T2, sinh năm 1977; Mẹ đẻ: Tô Thị Lan H, sinh năm 1978. Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa

Đại diện theo pháp luật của các bị cáo: (Đều có mặt tại phiên tòa)

- Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1980; HKTT: Số 105, ngõ 2, tổ 27, phường K, Quận T, TP.Hà Nội; Chỗ ở: Chỗ ở: số 115 đường V, phường K, quận T, thành phố Hà Nội.

- Ông Trương Minh T2, sinh năm 1977; HKTT: xã T, huyện B, thành phố Hà Nội. Hiện đang ở tại: P4224 – CT12 Khu đô thị mới K, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

- ***Người bào chữa cho bị cáo:*** bà Hồ Bích Phương – Trợ giúp viên pháp lý thuộc T4 tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Người bị hại: anh Doãn Hồng Dương M1, sinh năm 1996, HKTT: số 12, ngõ 389 đường N, phường Y, quận C, Hà Nội

(Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Vũ Văn T3, sinh năm 1993, trú tại số 61, phố 8, phường Đ, quận H, Hà Nội. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Phúc S, sinh ngày 27/4/2004, HKTT: Số 105, ngõ 2, tổ 27, phường K, quận T, Hà Nội, chỗ ở: số 115 đường V, phường K, quận T, TP.Hà Nội và Trương Quang A, sinh ngày 09/11/2005, HKTT: Phường P, quận Đ, TP.Hà Nội, chỗ ở: P4224-CT2C Khu đô thị mới K, phường Đ, quận H, Hà Nội đều là nhân viên làm việc tại cửa hàng cầm đồ số 108B8 đường H, phường K, quận Đ, Hà Nội, do Vũ Văn T3, sinh năm 1993, trú tại số 61, phố 8, phường Đ, quận H, Hà Nội làm chủ.

Khoảng 19 giờ 15 phút ngày 06/3/2021, Nguyễn Phúc S mượn của anh T3 01(một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave alpha, sơn màu trắng-đen- bạc, BKS 29E2-380.00, với lý do để đi về nhà S để lấy quần áo, nên anh T3 đồng ý. Sau khi mượn được chiếc xe máy của anh T3, Nguyễn Phúc S điều khiển xe máy chở Trương Quang A cùng đi, Nguyễn Phúc S điều khiển xe máy chở Trương Quang A đi lang thang, trên đường đi S rủ Quang A đi lấy tài sản để bán lấy tiền tiêu xài, Quang A đồng ý. Khi đi đến khu vực quận Hà Đông thì Quang A bảo S “em sợ để em điều khiển xe”, Quang A điều khiển xe máy chở S rẽ vào đường Nguyễn Văn Lộc, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội. Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 07/3/2021, khi Quang A điều khiển chiếc xe máy

BKS 29E2-380.00 phía sau chở S đi trên đường Nguyễn Văn Lộc thuộc phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội, thì phát hiện thấy anh Doãn Hồng Dương M1, sinh năm 1996, HKTT: số 12, ngõ 389 đường N, phường Y, quận C, Hà Nội đang điều khiển chiếc xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade, BKS 30F8-4585 đi trên đường Nguyễn Văn Lộc, đến đoạn trước số nhà LK 51 đường B, phường M, quận H, thành phố Hà Nội thì dừng xe ngồi trên xe máy trên tay cầm chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone X màu đen. Thấy vậy, Quang A điều khiển xe qua vị trí anh M1 đang đứng, S bảo Quang A điều khiển xe máy quay lại, rồi đi vòng lại phía sau anh M1. Lúc này, Quang A điều khiển xe máy đi chậm, áp sát phía bên trái xe anh M1, S ngồi phía sau dùng tay phải giật chiếc điện thoại của anh M1 đang cầm trên tay. Sau khi giật được điện thoại của anh M1, Quang A điều khiển xe máy chở S bỏ chạy, trên đường đi Quang A chuyển S điều khiển chiếc xe máy chở Quang A, Quang A ngồi sau kiểm tra chiếc điện thoại của anh M1 thấy bên trong chiếc điện thoại có cài dịch vụ chuyển tiền Internetbanking của ngân hàng V lưu mật khẩu tài khoản ngân hàng của anh Doãn Hồng Dương M1 trong tài khoản có số tiền 21.900.000 đồng (Hai mươi một triệu, chín trăm nghìn). S nói với Quang A chuyển số tiền sang tài khoản của mẹ S, Quang A đã chuyển số tiền 21.900.000 đồng từ số tài khoản 002704060447766 của anh M1 đăng ký tại Ngân hàng TMCP V sang tài khoản số 1014636991 mang tên Nguyễn Thị Ngọc D đăng ký tại Ngân hàng TMCP N (Nguyễn Thị Ngọc D là mẹ đẻ của S). Sau khi chuyển tiền xong thì S đập bỏ chiếc điện thoại Iphone X màu đen của anh M1 và vứt chiếc điện thoại ở vỉa hè bờ sông Tô Lịch khu vực đối diện số 115 đường V, phường K, quận T, TP.Hà Nội. Sau đó, S cùng Quang A đi về nhà S để mượn thẻ ATM của mẹ S mang tên Nguyễn Thị Ngọc D để đi rút tiền, S và Quang A đi đến cây ATM khu vực Láng Hạ để rút tiền, nhưng không rút được tiền do sai mật khẩu, nên S và Quang A đi đến cửa hàng cầm đồ số 108B8 đường H, phường K, quận Đ, TP.Hà Nội để gặp Hoàng Đình T4, sinh năm 2002, trú tại: thôn S, xã T, huyện T, TP.Hà Nội (là người cùng làm ở cửa hàng cầm đồ với S và Quang A) để nhờ chuyển tiền vào tài khoản của Hoàng Đình T4. S gọi điện thoại cho mẹ là Nguyễn Thị Ngọc D nhờ chị D chuyển tiền trên hệ thống Internetbanking từ tài khoản đến tài khoản mang tên Hoàng Đình T4. Sau khi thấy tài khoản Hoàng Đình T4 có tiền thì Quang A bảo T4 đi rút tiền, T4 lấy xe máy chở Quang A, còn S điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu trắng-đen- bạc, BKS 29E2-380.00 đi đến cây ATM tại phố Lương Đình Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP.Hà Nội rút số tiền 18.000.000 đồng, rút được tiền S lấy 10.000.000 đồng, S đưa cho Quang A 8.000.000 đồng, Quang A cho T4 số tiền 500.000 đồng, sau đó S điều khiển xe máy về nhà còn Quang A và Hoàng Đình T4 đi về cửa hàng cầm đồ số 108B8 đường H, phường K, quận Đ, TP.Hà Nội để ngủ. Đến chiều ngày

07/3/2021, S đến gặp mẹ là chị Nguyễn Thị Ngọc D lấy số tiền 2.000.000 đồng và nhờ mẹ chuyển tiếp số tiền 1.900.000 đồng vào tài khoản của Hoàng Đình T4, sau đó S nhờ T4 đi rút số tiền 1.900.000 đồng, số tiền S cầm và ăn tiêu hết.

Ngày 08/3/2021, anh Doãn Hồng Dương M1 đến Công an phường Mộ Lao trình báo vụ việc.

Ngày 14/4/2021, Cơ quan CSĐT Công an quận Hà Đông yêu cầu Hội đồng định giá trong tổ tụng quận Hà Đông, định giá đối với chiếc điện thoại IphoneX màu đen, 64GB. Tại bản kết luận định giá tài sản số 128/KL-HĐĐG ngày 05/05/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng quận Hà Đông, kết luận: *Chiếc điện thoại IphoneX, màu đen, 64 GB đã qua sử dụng có giá trị: 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).*

Ngày 08 và 17/5/2021, Nguyễn Phúc S và Trương Quang A lần lượt đến Công an quận Hà Đông đầu thú khai nhận hành vi phạm tội.

***Vật chứng thu giữ:**

Ngày 17/5/2021 Vũ Văn T3, SN: 1993, HKTT: 61 phố 8, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội giao nộp 01(một) chiếc xe máy 01(một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, sơn màu trắng, BKS 29E2-380.00, số khung 3909HY484916, số máy JA39E0460089, đã qua sử dụng.

Đối với chiếc điện thoại IphoneX, màu đen, 64 GB là tài sản Nguyễn Phúc S và Trương Quang A đã chiếm đoạt của anh Doãn Hồng Dương M1. Quá trình điều tra, S và Quang A khai đã đập vỡ và vứt tại vỉa hè bờ sông Tô Lịch khu vực đối diện số 115 đường V, phường K, quận T, TP.Hà Nội, cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với 01(một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, sơn màu trắng, BKS 29E2-380.00, số khung 3909HY484916, số máy JA39E0460089, đã qua sử dụng, đã thu giữ, là phương tiện Nguyễn Phúc S và Trương Quang A đã sử dụng để cướp giật tài sản. Kết quả điều tra xác định: chiếc xe được đăng ký sở hữu mang tên Nguyễn Trà M2, sinh năm 1987, ở số 14 ngõ 364/258 đường G, quận H, TP.Hà Nội. Năm 2018, Nguyễn Trà M2 đã bán lại chiếc xe trên cho anh Vũ Văn T3, sinh năm 1993, trú tại: số 61 phố 8, phường Đ, quận H, TP.Hà Nội (là người cùng làm tại cửa hàng cầm đồ với Quang A và S). Ngày 06/3/2021, Vũ Văn T3 cho Nguyễn Phúc S mượn chiếc xe máy làm phương tiện đi lại. Về chủ quan, Vũ Văn T3 không biết việc Nguyễn Phúc S mượn chiếc xe máy và sử dụng làm phương tiện đi cướp giật tài sản, nên không đề cập xử lý đối với Vũ Văn T3.

Đối với Nguyễn Thị Ngọc D (là mẹ đẻ của Nguyễn Phúc S) là người đã cho S mượn số tài khoản để Quang A chuyển tiền từ tài khoản của anh Doãn Dương Hồng M1 đến rồi sau đó Nguyễn Thị Ngọc D, chuyển tiền từ tài khoản của chị D đến số tài khoản của của Hoàng Đình T4. Hoàng Đình T4 là người nhận số tiền từ tài khoản của Nguyễn Thị Ngọc D và rút chuyển lại cho Nguyễn Phúc S. Kết quả điều tra xác định: Nguyễn Thị Ngọc D và Hoàng Đình T4 chuyển tiền và rút tiền trong tài khoản, không biết số tiền trên do Nguyễn Phúc S và Trương Quang A phạm tội mà có nên không đề cập xử lý đối với Nguyễn Thị Ngọc D và Hoàng Đình T4.

Quá trình điều tra gia đình Nguyễn Phúc S và Trương Quang A đã cùng bồi thường, khắc phục hậu quả cho anh Dương Doãn Hồng M1 số tiền 27.900.000 đồng (bao gồm 21.900.000 đồng và tiền đối với chiếc điện thoại các bị cáo đã lấy), anh M1 đã nhận đủ tiền.

Tại bản Cáo trạng số 232 ngày 15/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông đã truy tố bị cáo Nguyễn Phúc S và Trương Quang A về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi xem xét các tình tiết về trách nhiệm hình sự của bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58; Điều 90, 91, 98, 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Phúc S từ 27 đến 30 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ vào thời hạn tạm giữ.

Bị cáo Trương Quang A từ 27 đến 30 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: đề nghị trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, sơn màu trắng, BKS 29E2-380.00, số khung 3909HY484916, số máy JA39E0460089 cho anh Vũ Văn T3.

Người bào chữa cho 02 bị cáo: đề nghị HĐXX xem xét các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, đều là người dưới 18 tuổi nên các bị cáo đều có hạn chế về nhận thức xã hội, thiếu hiểu biết vào pháp luật, các bị cáo đã nhất thời phạm tội. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đều ra đầu thú khi nhận thấy hành vi sai trái của mình. Bên cạnh đó, các bị cáo đã có ý thức tác động đến gia đình để bồi thường cho

người bị hại nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 91; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, để các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội và có điều kiện cải tạo tốt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai nhận tội của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về hoạt động: “Điều tra”, “Truy tố” đồng thời đã giải thích và tạo điều kiện để các bị cáo và người tham gia tố tụng khác thực hiện đủ, đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

[2] Về nội dung: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với vật chứng, tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và phù hợp với kết luận giám định. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 07/03/2021, tại đường Nguyễn Văn Lộc đoạn trước số nhà LK 51 đường B, phường M, quận H, thành phố Hà Nội, lợi dụng đêm khuya đường vắng người qua lại và sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu. Trương Quang A điều khiển xe máy, nhãn hiệu Honda Wave alpha màu trắng, BKS 29E2-380.00 là phương tiện nguy hiểm phía sau chở Nguyễn Phúc S cùng nhau thực hiện hành vi cướp giật tài sản là 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen, 64 GB đã qua sử dụng có giá trị: 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) và chiếm đoạt số tiền số tiền 21.900.000 đồng (Hai mươi một triệu, chín trăm nghìn) trong tài khoản của anh Doãn Dương Hồng M1 trong khi anh M1 đang ngồi trên xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade, BKS 30F8-4585.

Đối chiếu với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự có đủ cơ sở pháp luật quy kết các bị cáo Nguyễn Phúc S và Trương Quang A phạm tội “Cướp giật tài sản”. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội truy tố Nguyễn Phúc S và Trương Quang A theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang,

lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó cần phải có mức hình phạt tù phù hợp để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Đánh giá mức độ hành vi, vai trò tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của từng bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, nhất thời phạm tội, các bị cáo đều là người thực hiện hành vi cướp giật tài sản. bị cáo là S là người rủ bị cáo Quang A đi thực hiện hành vi cướp giật tài sản và là người trực tiếp thực hiện hành vi nên sẽ phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo Quang A. Sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều phạm tội lần đầu, đã tác động đến gia đình để bồi thường thiệt hại cho người bị hại; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự; gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm I, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS. Bên cạnh đó, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Phúc S lúc đó chưa đủ 18 tuổi, bị cáo Trương Quang A chưa đủ 16 tuổi nên các bị cáo nên sẽ được áp dụng điều 91 BLHS.

[5] Về trách nhiệm dân sự: gia đình bị cáo Nguyễn Phúc S và Trương Quang A đã cùng bồi thường, khắc phục hậu quả cho anh Dương Doãn Hồng M1 tổng số tiền 27.900.000 đồng, anh M1 đã nhận đủ tiền. Không ai có đề nghị gì thêm về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với anh Vũ Văn T3 cho Nguyễn Phúc S mượn chiếc xe máy làm phương tiện đi lại. Về chủ quan, Vũ Văn T3 không biết việc Nguyễn Phúc S mượn chiếc xe máy và sử dụng làm phương tiện đi cướp giật tài sản, nên không đề cập xử lý đối với Vũ Văn T3.

[7] Đối với chị Nguyễn Thị Ngọc D là người đã cho S mượn số tài khoản của mình để Quang A chuyển tiền từ tài khoản của anh Doãn Dương Hồng M1 đến rồi sau đó Nguyễn Thị Ngọc D, chuyển tiền từ tài khoản của chị D đến số tài khoản của của Hoàng Đình T4. Hoàng Đình T4 là người nhận số tiền từ tài khoản của Nguyễn Thị Ngọc D và rút chuyển lại cho Nguyễn Phúc S. Kết quả điều tra xác định: Nguyễn Thị Ngọc D và Hoàng Đình T4 chuyển tiền và rút tiền trong tài khoản, T4 không biết số tiền trên do Nguyễn Phúc S và Trương Quang A phạm tội mà có nên không đề cập xử lý đối với Nguyễn Thị Ngọc D và Hoàng Đình T4.

[8] Đối với số tài khoản mang tên Nguyễn Thị Ngọc D của Ngân hàng N và số tài khoản mang tên Hoàng Đình T4 của Ngân hàng N, khi cho các bị cáo mượn để chuyển tiền và rút tiền, chị D và anh T4 đều không biết đó là số tiền các bị cáo phạm tội mà có nên không đề cập xử lý đối với 02 tài khoản Ngân hàng này.

[9] Về xử lý vật chứng:

Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, sơn màu trắng, BKS 29E2-380.00, số khung 3909HY484916, số máy JA39E0460089 anh Vũ Văn T3 cho các bị cáo mượn làm phương tiện đi lại, nhưng không biết các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho anh Vũ Văn T3.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng vào điểm điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58, Điều 90, 91, 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Áp dụng các Điều 135, Điều 106; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố Tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Phúc S và Trương Quang A phạm tội **“Cướp giật tài sản”**.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Phúc S **27** (Hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ 09/05/2021 đến ngày 18/5/2021.

Xử phạt: bị cáo Trương Quang A **24** (Hai mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho anh Vũ Văn T3 01(một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, sơn màu trắng, BKS 29E2-380.00, số khung 3909HY484916, số máy JA39E0460089.

(Tình trạng như Biên bản giao nhận vật chứng và Quyết định chuyển vật chứng của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông số 200 ngày 01/10/2021)

5. Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa

có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TÒA PHIÊN TÒA